

# CO LỜI REN INOX 304

| | |
|---|---|
| MODEL | SP – 12 |
| NHÃN HIỆU | TAY |
| TÊN SẢN PHẨM | CO 45° NỐI REN TRONG INOX 304 CLASS 150 |
| Kiểu Nối | Ren BS PT & NPT ( 2đầu ren trong ) |
| Chất Liệu | Thép không gỉ/ Inox ASTM A351CF8/ SUS 304 & CF8M/ SUS 316 |
| Tiêu Chuẩn | ASME / ANSI B 16.3 |
| Áp Lực | Max Class 150 lb |
| Kích Cỡ | DN 8A → DN 100A ~ ( ¼" inch → 4" inch ) |
| Sử Dụng | Nước, nước thải, hóa chất, gas, xăng, dầu, khí nén, hơi nóng,... |
| Tình Trạng | Hàng có sẵn, mới 100% |
| Xuất Xứ | Thái lan, Đài Loan, Trung Quốc. |
| Đơn Giá | Xin liên hệ |

# 150LB STAINLESS STEEL SCREWED FITTINGS



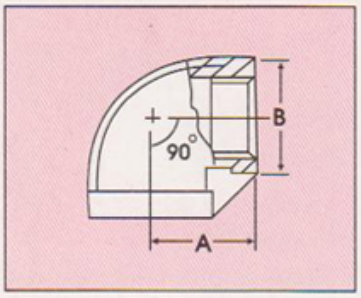
90° ELBOWS
BANED EQUAL
FIG NO. : 10

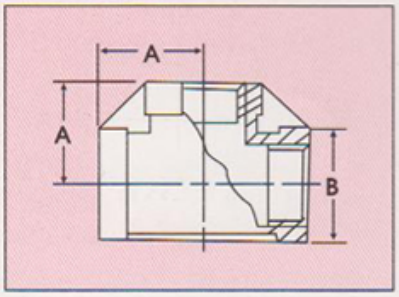


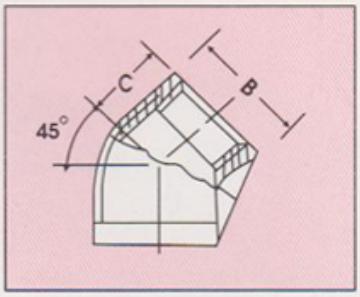
TEES
BANDED EQUAL
FIG NO. : 11

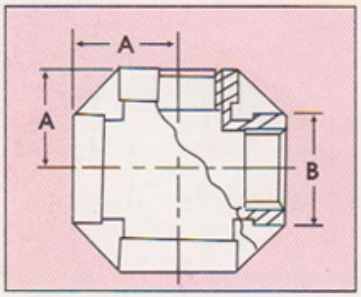


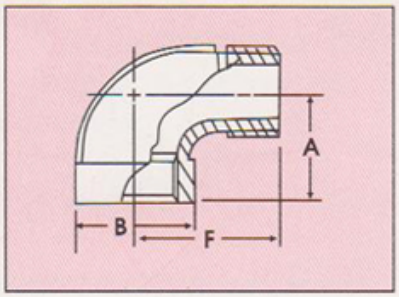
45° ELBOWS
BANDED EQUAL
FIG NO. : 12

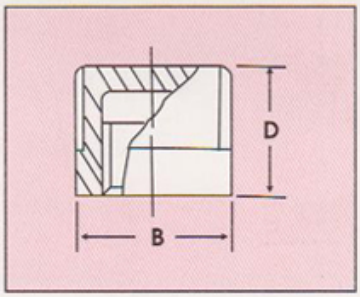



CROSSES
BANDED EQUAL
FIG NO. : 13



STREET ELBOWS 90°
BANDED FIG NO. : 17



ROUND CAP
FIG NO. : 15



Unit : mm.

| N.P.S. / DIM. | 1/8" | 1/4" | 3/8" | 1/2" | 3/4" | 1" | 1-1/4" | 1-1/2" | 2" | 2-1/2" | 3" | 4" |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A ± 1.0 | 17.6 | 19.0 | 23.5 | 29.0 | 32.5 | 37.5 | 44.5 | 48.5 | 59.0 | 68.0 | 80.5 | 98.0 |
| B ± 1.0 | 18.0 | 21.5 | 26.0 | 30.0 | 37.0 | 45.0 | 55.0 | 62.0 | 75.0 | 90.0 | 109.0 | 138.0 |
| C ± 1.0 | 17.0 | 18.7 | 19.0 | 22.0 | 25.8 | 28.7 | 34.0 | 37.0 | 42.7 | 51.5 | 56.5 | 68.5 |
| D ± 1.0 | 15.5 | 24.0 | 25.0 | 27.0 | 28.0 | 32.5 | 33.0 | 36.0 | 39.0 | 42.0 | 48.0 | 51.0 |
| F ± 1.0 | 27.0 | 29.0 | 36.0 | 40.5 | 47.0 | 55.0 | 63.0 | 70.0 | 85.0 | 100.0 | 115.0 | 134.0 |

## Sản phẩm khác

RẮC CO REN THÉP RÈN A105

Xem thêm RẮC CO REN THÉP RÈN A105

## CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

Xem thêm CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

## MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

## MẶT BÍCH INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH INOX 304

## MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

Xem thêm MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

## MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS

Xem thêm MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS